

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/DS-PT

Ngày: 05/ 7/ 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản; Đòi lại giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang và bà Trần Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: ông Ngô Văn Nghi
- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; Đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/DS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê L**, sinh năm 1952 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Khu phố B, phường Đ, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận.**

Bị đơn: Ông **Huỳnh Ngọc K**, sinh năm: 1977 và bà **Trương Thị K1**, sinh năm: 1976. (ông **K**, bà **K1** có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **Khu phố B, phường Đ, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận.**

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông **Huỳnh Ngọc Q**, sinh năm 2000.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Ngọc K**, sinh năm 1977 (theo Giấy ủy quyền ngày 25/12/2023), (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Người kháng cáo: Bị đơn ông ông **Huỳnh Ngọc K.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Lê L** trình bày:

Do quen biết nên vợ chồng ông có cho vợ chồng ông **Huỳnh Ngọc K** vay tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng để vợ chồng ông **K** mua bán thức ăn và chăn nuôi dê. Cụ thể như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 14/12/2022 âm lịch (ngày 05/01/2023 dương lịch) vay số tiền là 150.000.000 đồng. Lãi suất là 5.000.000đ/100.000.000đ/tháng. Vợ chồng ông **K** đã trả lãi được 03 tháng với số tiền 22.500.000 đồng.

+ Lần 2: Vào ngày 18/01/2023 âm lịch (ngày 08/02/2023 dương lịch) vay số tiền là 100.000.000 đồng. Lãi suất là 5.000.000đ/100.000.000đ/tháng. Vợ chồng ông **K** đã trả lãi được 3 tháng với số tiền 15.000.000 đồng.

+ Lần 3: Vào ngày 04/02/2023 âm lịch (ngày 23/02/2023 dương lịch) vay số tiền là 100.000.000 đồng. Lãi suất là 5.000.000đ/100.000.000đ/tháng. Vợ chồng ông **K** đã trả lãi được 3 tháng với số tiền 15.000.000 đồng.

+ Lần 4: Vào ngày 21/02/2023 âm lịch (ngày 12/3/2023 dương lịch) vay số tiền là 250.000.000 đồng. Đã trả lãi được 01 tháng với số tiền 12.500.000 đồng.

+ Lần 5: Vào ngày 29/3/2023 âm lịch (ngày 18/5/2023 dương lịch) vay số tiền là 400.000.000 đồng. Ông **K** giao cho vợ chồng ông sổ đỏ đứng tên **Huỳnh Ngọc Q** để làm tin và hứa sau 10 ngày sẽ trả hết khoản vay này. Tuy nhiên vợ chồng ông **K** không trả cho vợ chồng ông tiền gốc và tiền lãi của khoản vay này như đã hứa.

Khi vay hai bên chỉ làm giấy viết tay, ông **K** có hứa bán dê xong sẽ trả hết các khoản vay trên cho ông. Sau vài tháng không thấy vợ chồng ông **K** trả nợ, vợ chồng ông có đến nhà để hỏi thì ông **K** hứa hẹn bán nhà sẽ trả nhưng vẫn không trả mà ông **K** còn chửi bới và thách thức vợ chồng ông.

Nay ông làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông **K** phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 4/2023 âm lịch đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ông đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận vượt mức quy định vào nợ gốc. Số nợ gốc còn lại đề nghị vợ chồng ông **K** phải trả cho vợ chồng ông và trả lãi theo quy định của pháp luật. Ông đồng ý tính lãi tất cả các khoản vay từ tháng 6/2023 dương lịch đến tháng 4/2024 (đồng ý không tính lãi tháng 5/2023 dương lịch) và đồng ý tính tròn 11 tháng.

Đối với yêu cầu trả sổ đỏ của ông **Huỳnh Ngọc Q**, ông đồng ý trả sổ cho ông **Q** với điều kiện vợ chồng ông **K** phải trả hết khoản nợ vay 400.000.000 đồng cho vợ chồng ông.

*Quá trình tố tụng Bị đơn vợ chồng ông **Huỳnh Ngọc K**, bà **Trương Thị K1** trình bày:*

Vợ chồng ông xác định có vay của vợ chồng ông **L** số tiền 1.000.000.000 đồng như ông **L** trình bày và đã trả cho vợ chồng ông **L** số tiền lãi là 132.500.000 đồng.

Nay ông **L** khởi kiện vợ chồng ông đồng ý trả cho vợ chồng ông **L** 1.000.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi. Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông **L** phải trả lại cho vợ chồng ông số tiền lãi đã trả vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị H** trình bày:* Bà thống nhất với toàn bộ nội dung ông **L** trình bày, không bổ sung và không yêu cầu gì thêm.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông **Huỳnh Ngọc Q** là ông **Huỳnh Ngọc K** trình bày:*

Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 29 đã được **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N** cấp giấy chứng nhận số DE 396510 ngày 17/3/2022 là tài sản riêng của ông **Huỳnh Ngọc Q**. Do làm ăn thua lỗ nên ông **K** có hỏi mượn sổ đỏ của ông **Q** để thế chấp vay tiền. Khi vay số tiền 400.000.000 đồng, ông **K** đã giao sổ đỏ của ông **Q** cho vợ chồng ông **L** giữ, không có ông **Q** đi cùng. Nay ông **Q** khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông **L** phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 396510 ngày 17/3/2022 cho ông **Q**.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/DS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 166, 279, 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các điều 9, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; các điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông **Lê Lạ**.

Buộc vợ chồng ông **Huỳnh Ngọc K** và bà **Trương Thị K1** có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông **Lê L** và bà **Nguyễn Thị Hằng s** tiền 1.132.056.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng), trong đó: nợ gốc 956.667.000 đồng, nợ lãi tính đến tháng 4/2024 số tiền 175.389.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc Q.

Buộc vợ chồng ông Lê L và bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Huỳnh Ngọc Q bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 396510 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 17/3/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, bị đơn ông Huỳnh Ngọc K kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 14/DS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy một phần bản án, xét xử lại theo hướng chấp nhận số tiền lãi vợ chồng ông đã trả là 132.500.000 đồng, không đồng ý tiền lãi đã trả 65.000.000 đồng như bản án sơ thẩm.

Tại giai đoạn phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Tại phiên tòa các bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Ông K kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Ngọc K nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; Kiện đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,*” và vụ án thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải là đúng quy định theo khoản 2, 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sự tham gia tố tụng của đương sự: Người kháng cáo ông Huỳnh Ngọc K và các đương sự trong vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Ngọc K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bên đương sự đều thừa nhận: vợ chồng ông Lê L, bà Nguyễn Thị H có cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc K, bà Trương Thị K1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng theo các giấy vay tiền lập theo ngày Âm lịch: ngày 14/12/2022, ngày 18/01/2023, ngày 04/02/2023, ngày 21/02/2023, ngày 29/3/2023 và giấy cam kết ngày 05/6/2023; người vay là vợ chồng ông K, bà K1 đã nhận đủ tiền. Hợp đồng vay có lãi suất 5%/ tháng (60%/năm), kỳ hạn trả lãi hàng tháng và không tranh chấp về số tiền cho vay. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông L xác nhận: đã nhận tiền lãi của vợ chồng ông K, bà K1 tổng là 65.000.000 đồng. Cụ thể: khoản vay ngày 14/12/2022 nhận 03 tháng là 22.500.000 đồng; Khoản vay ngày 18/01/2023 nhận 3 tháng là 15.000.000 đồng; Khoản vay ngày 04/02/2023, nhận 3 tháng là 15.000.000 đồng; Khoản vay ngày 21/02/2023, nhận 01 tháng là 12.500.000 đồng; Riêng khoản vay ngày 29/3/2023 chưa trả lãi.

Ông K, bà K1 cho rằng đã trả 132.500.000 đồng tiền lãi nhưng không đưa ra bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc trả lãi này và việc trả số tiền lãi này không được ông L thừa nhận.

Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực...”*

Thỏa thuận lãi suất giữa ông L và vợ chồng ông K, bà K1 đưa ra là vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Theo quy định của pháp luật thì tiền lãi được tính như sau:

- Khoản vay ngày 14/12/2023: 150.000.000 đồng x 20%/năm x 3 tháng = 7.500.000 đồng .

- Khoản vay ngày 18/01/2023: 100.000.000 đồng x 20%/năm x 3 tháng = 5.000.000 đồng.

- Khoản vay ngày 04/02/2023: 100.000.000 đồng x 20%/năm x 3 tháng = 5.000.000 đồng.

- Khoản vay ngày 21/02/2023: 250.000.000 đồng x 20%/năm x 1 tháng = 4.167.000 đồng .

Tổng 21.667.000 đồng

Ông **L** đã nhận số tiền lãi 65.000.000 đồng, do đó tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất quy định 43.333.000 đồng được trừ vào nợ gốc tại thời điểm trả nợ. Như vậy, nợ gốc 1.000.000.000 đồng giảm còn 956.667.000 đồng.

Quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu tính lãi tất cả các khoản vay từ tháng 4/2023 (Âm lịch) tương ứng tháng 6/2023 (Dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm tháng 4/2024, đồng ý tính tròn 11 tháng là có lợi cho bị đơn, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 nên chấp nhận.

Cách tính: $[956.667.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 11 \text{ tháng} = 175.389.000 \text{ đồng.}$ (làm tròn số).

Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi: 956.667.000 đồng + 175.389.000 đồng = 1.132.056.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã xác định tiền gốc, tiền lãi buộc vợ chồng ông **K**, bà **K1** phải trả cho vợ chồng ông **Lê L**, bà **Nguyễn Thị H** là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Ông **K** kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Huỳnh Ngọc K**. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông **Huỳnh Ngọc K** và bà **Trương Thị K1** phải chịu 45.962.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng nghĩa vụ thanh toán.

Vợ chồng ông **Lê L** và bà **Nguyễn Thị H** thuộc diện người cao tuổi được miễn tạm ứng án phí án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn tiền.

-Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông **Huỳnh Ngọc K** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 468, Điều 469 và Điều 470

của Bộ luật Dân sự năm 2015 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Huỳnh Ngọc K.** Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2024/DS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê L** đối với bị đơn ông **Huỳnh Ngọc K**, bà **Trương Thị K1** về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc vợ chồng ông **Huỳnh Ngọc K**, bà **Trương Thị K1** có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng ông **Lê L**, bà **Nguyễn Thị Hằng s** tiền vay 1.132.056.000 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu không trăm năm mươi sáu ngàn đồng*); Trong đó: nợ gốc 956.667.000 đồng, nợ lãi 175.389.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Huỳnh Ngọc Q** về “*Đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Buộc vợ chồng ông **Lê L** và bà **Nguyễn Thị H** phải trả lại cho ông **Huỳnh Ngọc Q** bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE 396510 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh N** cấp ngày 17/3/2022.

3. Về án phí:

-Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông **Huỳnh Ngọc K**, bà **Trương Thị K1** phải chịu 45.962.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông **Huỳnh Ngọc Q** số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001721 ngày 05/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải

-Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Huỳnh Ngọc K** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003552 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/7/2024).

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Hải(1);
- Chi cục THADS H. Ninh Hải
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang